

Tổng quan một số nghiên cứu về quan hệ sản xuất trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Từ Kim Chi^(*)

Tóm tắt: Quan hệ sản xuất là một trong những hệ thống lý luận cơ bản thuộc phạm vi của chủ nghĩa duy vật lịch sử do K. Marx và F. Engels xây dựng, được V. Lenin bổ sung, phát triển. Nghiên cứu quan hệ sản xuất trong các mối quan hệ biện chứng với lực lượng sản xuất là một trong những dòng nghiên cứu cơ bản của triết học, đã được nghiên cứu và giảng dạy một cách cơ bản trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Trong bối cảnh nền kinh tế Đổi mới ở nước ta, các nghiên cứu về quan hệ sản xuất mới phù hợp với tiến trình phát triển, với xu thế toàn cầu hóa cũng đã được các nhà khoa học quan tâm. Bài viết giới thiệu một số công trình nghiên cứu về quan hệ sản xuất của các tác giả trong nước công bố gần đây.

Từ khóa: Việt Nam, Quan hệ sản xuất, Lực lượng sản xuất, Kinh tế - xã hội

1. Các nghiên cứu riêng biệt về quan hệ sản xuất

Có thể thấy, trong số các công trình nghiên cứu riêng biệt về quan hệ sản xuất của các tác giả trong nước công bố gần đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu công phu bàn về những mặt cơ bản của quan hệ sản xuất, trong đó tập trung chủ yếu vào những vấn đề đang bức thiết của thực tiễn Việt Nam. Tuy những công trình này nghiên cứu độc lập về các mặt cơ bản của quan hệ sản xuất, nhưng cũng có ý nghĩa nhất định trong việc nghiên cứu, xem xét toàn diện quan hệ sản xuất và mối quan hệ của nó với lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay.

Trước tiên có thể kể đến công trình “Xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất

mới ở Việt Nam” do tác giả Phạm Thị Quý chủ biên (2000). Nghiên cứu đã tập trung làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở Việt Nam. Đáng chú ý là các tác giả đã làm rõ những sai lầm trong việc nhận thức, vận dụng lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin về quan hệ sản xuất XHCN; sự cần thiết phải đổi mới, cải cách nền kinh tế của các nước XHCN mà nhiều nội dung quan trọng của quá trình này đã được Lenin chỉ ra trong Chính sách Kinh tế mới (NEP). Phân tích quá trình xác lập quan hệ sản xuất XHCN ở Việt Nam từ năm 1955-1985, các tác giả đã chứng minh bằng các số liệu sát thực, qua đó khẳng định những thành tựu kinh tế - xã hội nhất định chúng ta đã đạt được từ việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, đồng thời chỉ ra những hạn chế của quá trình này.

^(*) ThS. Đại học Hải Phòng; Email: kimchidhph@gmail.com

Về quá trình xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986-2000, các tác giả đã tập trung phân tích những nội dung đổi mới nhận thức về quan hệ sản xuất, thể hiện ở: quan điểm của Đảng về nền kinh tế nhiều thành phần và quan hệ sở hữu trong thời kỳ đổi mới kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần; vấn đề phân phối và chính sách xã hội trong nền kinh tế nhiều thành phần. Thực trạng các thành phần kinh tế và sự phát triển quan hệ sản xuất từ năm 1986-2000 cũng được các tác giả làm rõ qua phân tích quá trình hình thành, đổi mới và phát triển của các doanh nghiệp, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh gắn với mỗi thành phần kinh tế. Những bài học kinh nghiệm về xây dựng quan hệ sản xuất ở nước ta mà các tác giả đưa ra chủ yếu nhấn mạnh việc xây dựng quan hệ sản xuất mới phải xuất phát từ đòi hỏi phát triển của lực lượng sản xuất; quá trình đổi mới phải chú trọng cả ba mặt cơ bản của quan hệ sản xuất; phải chú trọng những hình thức trung gian quá độ; phải chú trọng gắn chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

Nhìn chung, công trình của tác giả Phạm Thị Quý và các cộng sự đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nước ta từ năm 1955-2000, làm nổi bật tính đúng đắn của đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Để chứng minh cho tính đúng đắn đó, tác giả đã luận chứng bằng nhiều số liệu và căn cứ thực tiễn có giá trị. Tuy nhiên, việc xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất phải căn cứ vào trình độ của lực lượng sản xuất, để đánh giá quá trình đổi mới quan hệ sản xuất có phù hợp hay không phải căn cứ vào sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nghiên cứu hầu như không đề cập đến lực

lượng sản xuất ở Việt Nam, do vậy những đánh giá về quan hệ sản xuất có tính thuyết phục chưa cao.

Cũng bàn về quan hệ sản xuất nhưng lại tiếp cận theo mối quan hệ giữa quá trình xây dựng quan hệ sản xuất với thực hiện công bằng xã hội, nghiên cứu “Xây dựng quan hệ sản xuất định hướng XHCN và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ở Việt Nam” do Lương Xuân Quý chủ biên (2002), đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn, trong đó điểm nổi bật là ở chỗ, các tác giả đã làm rõ nội dung của quan hệ sản xuất định hướng XHCN; những biến đổi của quan hệ sản xuất và tác động của chúng đối với sự phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong 15 năm đổi mới ở Việt Nam. Theo các tác giả, quá trình đổi mới quan hệ sản xuất (1986-2001) đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, huy động được mọi nguồn lực của đất nước và tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc tiến bộ và công bằng xã hội nhằm từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, các tác giả cũng chỉ rõ những khó khăn, thách thức đang đặt ra trong quá trình thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, đối với một số vấn đề, công trình còn có những phân tích chưa thỏa đáng. Chẳng hạn, trong khi bàn đến vai trò của quan hệ sản xuất trong mối tương quan với lực lượng sản xuất vì sự tiến bộ và công bằng xã hội, các tác giả có đề cập đến vai trò của quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất và tiến bộ, công bằng xã hội theo học thuyết Marx-Lenin, nhưng lại tập trung chủ yếu vào việc phân tích tính quy định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất, còn nội dung bàn về vai trò của quan hệ

sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất và tiến bộ, công bằng xã hội theo học thuyết Marx-Lenin rất mờ nhạt, chưa thực sự sáng tỏ. Khi phân tích những tác động chủ yếu của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong 15 năm đổi mới, các tác giả có đề cập đến tác động của những biến đổi quan hệ sản xuất đối với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải phóng lực lượng sản xuất nhưng khá đơn giản, vắn tắt. Phương hướng xây dựng quan hệ sản xuất định hướng XHCN và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam khá chung chung, rất khó để có thể vận dụng vào thực tiễn.

Đi sâu nghiên cứu về *sở hữu*, công trình “Sở hữu: lý luận và vận dụng ở Việt Nam” của tác giả Nguyễn Văn Thúc (2004) tập trung bàn về các vấn đề: lý luận về sở hữu; các loại hình sở hữu và vai trò của chúng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay; vấn đề cải tạo và xây dựng các hình thức sở hữu trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nhìn chung, nghiên cứu đã trình bày một cách có hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Marx - Lenin về sở hữu; tính tất yếu của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu trong điều kiện nước ta; vai trò của các loại hình sở hữu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam... Khi bàn đến thực tiễn Việt Nam, tác giả không bàn nhiều đến một số vấn đề phức tạp, bức xúc liên quan đến sở hữu ở Việt Nam. Hơn nữa, các số liệu, cơ sở thực tiễn được sử dụng trong quá trình lập luận, phân tích về thực tiễn Việt Nam chưa thực sự phong phú; các số liệu được đề cập đến thì phần nhiều là số liệu của những năm 1996-1998.

Cùng quan tâm đến vấn đề sở hữu, công trình “Vấn đề sở hữu và phát triển bền vững ở Việt Nam và Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI” do

Lương Việt Hải chủ biên (2008) là tập hợp các bài viết của nhiều tác giả khác nhau, tập trung vào việc khái quát những quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Trung Quốc về sở hữu (đặc biệt là chủ trương đa dạng hóa các hình thức sở hữu, tạo điều kiện thuận lợi cho sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp phát triển) kể từ khi thực hiện đổi mới, cải cách. Các tác giả cũng đưa ra những cơ sở lý luận và thực tiễn để khẳng định tính đúng đắn của những chủ trương đó. Tuy nhiên, đây chỉ là những bài viết riêng lẻ, là các tham luận trong các cuộc hội thảo khoa học, do vậy các vấn đề được trình bày phần nhiều còn dừng lại ở mức độ chung chung, khái quát, chưa thực sự phân tích một cách chi tiết, cụ thể về sở hữu ở Việt Nam và Trung Quốc.

Ngoài ra, còn có thể kể đến công trình “Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam” do Nguyễn Kế Tuấn chủ biên (2010), đề cập đến những vấn đề lý luận cơ bản về sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; thực trạng vấn đề sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp trong quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra quan điểm, xu hướng và giải pháp đối với vấn đề sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Đây là một công trình công phu, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Các tác giả đã hệ thống hóa, khái quát hóa quan điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin và quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu khác về sở hữu, qua đó đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận về sở hữu, chẳng hạn như về các chế độ sở hữu và các hình thức sở hữu trong nền kinh tế thị trường; sự phát triển các chế độ sở hữu trong các phương thức sản xuất xã hội;

mối quan hệ giữa sở hữu với các hình thức tổ chức kinh tế trong nền kinh tế thị trường... Khi bàn về thực tiễn nước ta, tập thể tác giả đã trình bày có hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về sở hữu và các thành phần kinh tế thể hiện qua các kỳ đại hội của Đảng, góp phần làm rõ thực trạng của các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra những giải pháp có ý nghĩa đối với thực tiễn nước ta, đặc biệt là những giải pháp đối với hình thức sở hữu nhà nước, kinh tế nhà nước (khu vực có sự phát triển yếu kém nhất và xảy ra nhiều tiêu cực), chẳng hạn như giải pháp về trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các doanh nghiệp nhà nước; thực hiện cơ chế giám sát hoạt động của doanh nghiệp nhà nước... Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến sở hữu chưa được bàn đến hoặc đã được bàn đến nhưng chưa sâu, chẳng hạn như về tính quy định của trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đối với sở hữu, đây cũng chính là lý do khiến cho các giải pháp mà các tác giả đưa ra chưa có tính thuyết phục cao. Bên cạnh đó, một số vấn đề mà tập thể tác giả đưa ra còn chưa thực sự rõ ràng, khiến người đọc cảm thấy khó hiểu, chẳng hạn khi bàn về chế độ sở hữu, các tác giả cho rằng “chế độ sở hữu là khái niệm mang tính tổng quát chỉ sở hữu ở khía cạnh bản chất nhất” (Nguyễn Kế Tuấn, 2010: 48), cách hiểu chế độ sở hữu như vậy rất khác so với các giáo trình Kinh tế chính trị Marx-Lenin hiện nay.

Cùng bàn về sở hữu, tác giả Lương Minh Cừ và Vũ Văn Thư (2011) trong công trình “Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay - một số vấn đề nhận thức về lý luận và thực tiễn” đã làm sáng tỏ vai trò của sở hữu tư nhân, thành phần kinh tế tư nhân đối với sự phát triển

của nền kinh tế nước ta trong những năm qua với những nhận định có cơ sở thực tiễn, có giá trị tham khảo lớn. Điểm nổi bật là nhận định của các tác giả khi cho rằng: sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân không chỉ tồn tại và phát triển trong thời kỳ quá độ lên CNXH, mà sẽ còn tồn tại cả trong thời kỳ chúng ta xây dựng CNXH (tất nhiên nó không phải là hình thức sở hữu đóng vai trò chi phối); CNXH ở nước ta sẽ thành lập một chế độ công hữu không hoàn toàn phủ định và gạt bỏ các hình thức tiền bộ, tích cực của chế độ tư hữu mà biết liên kết, dung nạp những nhân tố đó thành một chế độ kinh tế có sức sống dồi dào dưới sự điều tiết và quản lý của nhà nước XHCN; công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tiền đề căn bản cho quá trình xã hội hóa sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân ở nước ta... (Lương Minh Cừ, Vũ Văn Thư, 2011: 232-239). Đây là những nhận định có giá trị, thiết thực, thực sự xuất phát từ thực tiễn xây dựng CNXH ở các nước XHCN những năm qua.

Nghiên cứu *quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất* cũng nhận được sự quan tâm của nhiều tác giả. Có thể kể đến một số nghiên cứu công bố chủ yếu từ năm 2008-2010: Từ Điện (2009) với công trình “Một số vấn đề về quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam”; Nguyễn Văn Hậu và Nguyễn Thị Như Hà (2009) với công trình “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trong điều kiện Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”; Lê Danh Vĩnh (2009) với “Hoàn thiện thể chế về môi trường kinh doanh của Việt Nam”; Lương Xuân Quỳ - Đỗ Đức Bình (2010) với “Thể chế kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam”... Nhìn chung, các nghiên cứu này đều quan tâm làm rõ vai trò của Nhà nước trong

việc quản lý nền kinh tế ở Việt Nam hiện nay, tác động của quá trình hội nhập quốc tế đối với các hoạt động tổ chức, quản lý sản xuất, điều tiết nền kinh tế; hệ thống hóa quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam, chỉ ra những thành tựu và hạn chế của quá trình đó, đồng thời đưa ra các giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót của thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Các tác giả đều khẳng định sự cần thiết phải nhanh chóng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN để nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho quá trình sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

2. Các nghiên cứu về vai trò của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất

Bàn về vai trò của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất, công trình “Những tác động của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay” của Nguyễn Đức Luận (2012) đã phân tích và làm rõ những biểu hiện mới của quan hệ sản xuất trong thời đại ngày nay trên cả ba mặt cơ bản của nó trước những tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, của quá trình toàn cầu hoá, cũng như những tác động của sự sụp đổ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở Liên Xô và Đông Âu... Trên cơ sở phân tích về quá trình đổi mới quan hệ sản xuất và những biến đổi về lực lượng sản xuất trước những thay đổi của quan hệ sản xuất ở nước ta trong thời kỳ Đổi mới, với những số liệu chứng minh rất sinh động và có tính thuyết phục cao, tác giả đã lựa chọn và đưa ra những định hướng chủ yếu về việc tiếp tục đổi mới quan hệ sản xuất nhằm tạo môi trường phù hợp để thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta. Trong số các nhóm giải pháp đó, tác giả nhấn

mạnh: cần xác định lại các hình thức sở hữu cơ bản và thay đổi tên gọi của một số hình thức sở hữu ở nước ta hiện nay, cụ thể là có 3 hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân và sở hữu hỗn hợp. Các nhóm giải pháp mà tác giả đề xuất là có cơ sở khoa học, còn thực hiện như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào vai trò của nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách xã hội. Những vấn đề được đề cập có phạm vi tương đối rộng và mang tính bao quát chung trong nghiên cứu về quan hệ sản xuất của cả nền kinh tế, bao gồm tất cả các kiểu quan hệ sản xuất ở tất cả các thành phần kinh tế, chứ không đi sâu và nghiên cứu cụ thể về đặc điểm cũng như tính đặc thù của quan hệ sản xuất trong từng thành phần kinh tế, từng khu vực kinh tế; đặc biệt là quan hệ sản xuất trong khu vực kinh tế tư nhân và sự tác động của quan hệ sản xuất trong khu vực kinh tế tư nhân đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay. Công trình gợi mở sự cần thiết phải đi sâu nghiên cứu để làm nổi bật được vai trò quan trọng của quan hệ sản xuất có ảnh hưởng mạnh mẽ và tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam nói chung và ở các tỉnh/thành, địa phương trong cả nước nói riêng.

Về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trong nghiên cứu “Mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng từng bước quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ”, tác giả Nguyễn Hùng Hậu (2012) cho rằng, trình độ của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay khá đa dạng, không đồng đều, tức nhiều trình độ. Theo quy luật, muốn cho sản xuất phát triển thì quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của quan hệ sản xuất. Do đó, một logic tất yếu đối với quan hệ sản xuất, hay trong quan hệ sản xuất cũng phải đa dạng.

Đa dạng nghĩa là chúng ta phải xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần. Cụ thể hiện nay chúng ta có năm thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Điều này khiến chúng ta càng nhìn nhận một cách rõ nét tính chất chủ quan duy ý chí của thời kỳ 1975-1986 với hai thành phần kinh tế là nhà nước và tập thể. Đa dạng ở chỗ, chúng ta cần phải có nhiều hình thức sở hữu, nhiều hình thức tổ chức quản lý, nhiều hình thức phân phối. Khác với trước kia (hai hình thức sở hữu là toàn dân và tập thể), ngày nay chúng ta có ba hình thức sở hữu là toàn dân, tập thể và tư nhân. Nếu như trước kia chúng ta phân phối theo chủ nghĩa bình quân, cào bằng thì ngày nay phân phối theo nhiều cách khác nhau như theo lao động (tức theo khả năng, năng lực, sức lực, trí tuệ của từng người), theo hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn khác, thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, chúng ta cần phải tiến hành đồng bộ những công việc sau: Giữ vững định hướng XHCN nền kinh tế thị trường; Phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mỗi quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ là mối quan hệ biện chứng, liên hệ mật thiết với nhau, không tách rời nhau; một mặt, chúng ta phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học công nghệ ngày càng cao; nhưng mặt khác, chúng ta phải xây dựng, hoàn thiện

quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ, tức là chúng ta phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Điều này đã được trình bày một cách rõ ràng, khúc triết, chính xác trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

* * *

Nhìn chung, trong các công trình nghiên cứu về quan hệ sản xuất trong sự phát triển kinh tế - xã hội được các tác giả công bố gần đây, có thể thấy một số công trình đi sâu nghiên cứu về khái niệm, bản chất, quy luật vận động, sự tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, vai trò của quan hệ sản xuất..., biểu hiện và sự nhận thức, vận dụng mối quan hệ mang tính quy luật ở những không gian và thời gian khác nhau; có công trình đi sâu nghiên cứu từng mặt cơ bản của quan hệ sản xuất trong tổng thể nền kinh tế nhiều thành phần; có công trình lại tập trung nghiên cứu về quá trình đổi mới quan hệ sản xuất ở Việt Nam. Một số công trình khác đi theo hướng nghiên cứu một cách có hệ thống về vai trò của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Cách tiếp cận và những kết luận được rút ra từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội nước ta trong các không gian, thời gian khác nhau.

Tuy nhiên, nhiều vấn đề như cổ phần hóa doanh nghiệp, thu hút đầu tư, kinh tế tư nhân, kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn mới..., hay những nghiên cứu theo đặc thù địa phương, theo ngành, theo lãnh thổ... là những vấn đề quan trọng còn để ngỏ hoặc chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống, cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn trong bối cảnh Việt Nam hiện nay □

Tài liệu tham khảo

1. Lương Minh Cừ, Vũ Văn Thư (2011), *Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay - một số vấn đề nhận thức về lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Từ Điển (2009), *Một số vấn đề về quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Lương Việt Hải (Chủ biên, 2008), *Vấn đề sở hữu và phát triển bền vững ở Việt Nam và Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Hùng Hậu (2012), *Mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng từng bước quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ*, <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/lich-su-dang/doc-2930201510015946.html>
5. Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Thị Như Hà (2009), *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trong điều kiện Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Đức Luận (2012), *Những tác động của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
7. Phạm Thị Quý (Chủ biên, 2000), *Xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Lương Xuân Quỳ (Chủ biên, 2002), *Xây dựng quan hệ sản xuất định hướng XHCN và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Lương Xuân Quỳ, Đỗ Đức Bình (2010), *Thể chế kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Thức (2004), *Sở hữu: lý luận và vận dụng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Kế Tuấn (Chủ biên, 2010), *Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Lê Danh Vĩnh (2009), *Hoàn thiện thể chế về môi trường kinh doanh của Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.